TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2025/HS-ST
Ngày: 30 – 5 – 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Minh;

Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:* Bà Võ Thị Bích Trăm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2025/TLST-HS, ngày 04 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST – HS ngày 02 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2025/HSST-QĐ ngày 25 tháng 4 nam 2025 đối với bị cáo:

1. Bị cáo: **Wòng Hòa B;** giới tính: Nam; sinh ngày 10/10/1998; nơi cư trú: Số A, Đ, phường C, quận B, Tp .. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; chức vụ trước khi phạm tội: không; trình độ học vấn: 01/12; Họ và tên cha: Wòng Q, sinh năm 1974 (sống). Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1978 (chết). Anh chị em ruột: có 01 người, sinh năm 1995. Vợ, con: không.

Tiền sự: Không có.

Tiền án: 01 tiền án. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 177/2020/HS-ST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, xử phạt W Hòa Bình 03 năm 6 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Chấp hành xong án phí ngày 28/6/2021, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/5/2023.

Nhân thân:

Tại Quyết định số 36/2018/QĐ-TA ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Wòng Hòa B với thời hạn 24 tháng. Chấp hành xong quyết định ngày 13/6/2020.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 02/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, xử phạt Wòng Hòa B 01 năm 06 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, bị cáo đang chấp hành hình phạt. Bị cáo có mặt.

2. Bị hại: Ông Phạm Minh T, sinh năm 2005 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ô, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Phạm Quốc H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ô, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Ông Lê Phú Q1, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ô, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 05 giờ ngày 02/7/2024, Phạm Minh T, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu xám, biển số 55P3-8037 đến trước nhà Nguyễn Thanh B1, tại Ô, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An, dựng và khóa xe mô tô lại. Sau đó, T đi về nhà cách nhà B1 khoảng 05m để ngủ. Đến khoảng 05 giờ 30 phút ngày 02/7/2024, Wòng H đi bộ đến nhà Nguyễn Thanh B1 thì thấy xe mô tô 55P3-8037 dựng phía trước cửa nhà, không có người trông coi nên nảy sinh ý chiếm đoạt xe mô tô này. B1 đến vị trí để xe thì phát hiện xe khóa cổ, nên dùng tay và chân bẽ gãy khóa cổ xe rồi đẩy xe đem đi cất giấu vào đường hẻm đối diện cách đó khoảng 10m. Sau đó, B1 đi tìm người đẩy xe thì gặp Phạm Quốc H đang chạy xe Dream màu nâu. B1 nói làm mất chìa khóa xe nên nhờ H dùng xe Dream đẩy xe mô tô của B1 đi sửa ổ khóa nhưng H không đồng ý. B1 hỏi mượn xe Dream của H đi tìm người xe chạy thuê, H đồng ý. B1 chạy xe của H đến ngã tư H gặp người chạy xe mô tô thuê tên Nguyễn Văn T1 và thuê T1 đi theo B1 đến cầu Duyên để B1 trả xe rồi chở B1 đi công việc, T1 đồng ý. Trả xe xong, T1 chở B1 đi đến đường C thuộc Ô, khu A, thị trấn H, B1 xuống xe và trả T1 20.000 đồng. Sau đó, B1 đi bộ về hướng nhà Nguyễn Văn P, tại Ô, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An, để tìm người đẩy xe thì gặp Lê Phú Q1, đang điều khiển xe mô tô 62F7-0719. B1 nói với Q1 làm mất chìa khóa xe và nhờ Q1 đẩy xe của B1 đem về nhà ông P, Q1 đồng ý. Khi Q1 chở B1 đến đầu hẻm đường nơi cất giấu xe, B1 nói với Q1 dừng xe bên ngoài chờ để B1 vào dẫn xe ra do đường hẻm hẹp không đẩy xe được. B1 đi vào hẽm dẫn xe 55P3- 8037 ra ngoài và ngồi lên xe, Q1 điều khiển xe đồng thời dùng chân đẩy xe B1 điều khiển chạy

đi đến đường C. Khi đến gần đường vào nhà ông P, B1 kêu Quí dừng lại cho B1 tự dẫn xe vào nhà, Q1 đồng ý và điều khiển xe rời đi.

Sau đó, B1 kiểm tra đường dây điện của xe rồi rút dây điện ổ khóa công tắc, chạy đến gần nghĩa trang L huyện Đ, gặp một người đàn ông (không xác định nhân thân lai lịch), hành nghề thu mua phế liệu, rồi bán xe mô tô 55P3-8037 cho người này, với giá 2.867.000 đồng. Số tiều bán xe B1 tiêu xài vào mục đích cá nhân hết.

Vật chứng: 01 xe mô tô, loại Wave S, màu xám, số máy: JC43E0545601, số khung: RLHJC43169Y028875, biển số: 55P3-8037, không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 125/KL-HĐĐGTS ngày 11/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, kết luận: "01 xe mô tô, loại Wave S, màu xám, số máy: JC43E0545601, số khung: RLHJC43169Y028875, biển số: 55P3-8037 trị giá: 6.000.000 đồng.

Kết luận về định giá của Hội Đồng: Thống nhất định giá tài sản: 6.000.000 đồng."

Tại bản Cáo trạng số 55/CT – VKSĐH ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Wòng Hòa B về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị hại là ông Phạm Minh T trình bày: Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 02/7/2024, ông bị mất tài sản gồm 01 xe mô tô Honda Wave S, biển số 55P3-8037, trị giá 6.000.000 đồng, hiện nay ông chưa nhận được tài sản bị trộm nên có yêu cầu bị cáo Wòng H bồi thường giá trị chiếc xe bị mất 6.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Phạm Quốc H trình bày: Ngày 02/7/2024, ông có gặp bị cáo B từ trong hẻm đi ra và bị cáo B có hỏi mượn xe Drem của ông để chạy lại ngã 4 H gần hãng xe K để bị cáo B nhờ xe ôm chở bị cáo thì ông đồng ý cho mượn xe. Sau đó, bị cáo B có quay lại trả lại xe cho ông. Việc bị cáo B trộm xe vào ngày 02/7/2024 thì ông hoàn toàn không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Vào ngày 02/7/2024, ông có gặp bị cáo B và bị cáo có nhờ ông chạy xe theo bị cáo, sau đó chở bị cáo về nhà và nhận tiền công 20.000 đồng. Ông không biết việc bị cáo B đã trộm xe của người khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lê Phú Q1 trình bày: Vào ngày 02/7/2024, ông có gặp bị cáo B thì bị cáo B có nhờ ông chở bị cáo ra đầu hẻm chùa T2, sau đó bị cáo B dẫn ra 01 chiếc xe Wave S, màu xám, ông không để ý biển số. Bị cáo B ngồi lên xe Wave S, ông Q1 dùng chân đạp vào gác chân xe và đẩy xe Wave S chạy đi theo dọc bờ kênh, sau đó ra hướng đường 3

tháng 2 để về xóm rừng thuộc Ô 3, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An. Sau đó, bị cáo B kêu dừng xe lại và tự dẫn xe vào nhà.

Kiểm sát viên sau khi phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo Wòng Hòa B gây ra; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Wòng Hòa B phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo W Hòa Bình mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 02/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, buộc bị cáo Wòng Hòa B phải chấp hành hình phạt tổng hợp của hai bản án. Thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo B có trách nhiệm bồi thường cho bị T số tiền 6.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không thu hồi được tài sản, nên không xém xét.

Đối với những người đàn ông, mua xe mô tô 55P3-8037 từ bị cáo B. Do chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo, không xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với Phạm Quốc H, Nguyễn Văn T1, Lê Phú Q1, về ý thức không biết về hành vi phạm tội của bị cáo B nên không cấu thành tội phạm liên quan nên đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Wòng Hòa B thừa nhận hành vi của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo không tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng là hối hận về hành vi phạm tội của mình chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về lo làm ăn, sửa đổi để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau*:*

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đ và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các chứng cứ đã thu thập là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành

vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Đối với bị hại có đơn xin vắng mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Xét bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tuy vắng nhưng đã được cơ quan điều tra lấy lời khai làm rõ, vụ án không có tình tiết mâu thuẫn so với lời nhận tội của bị cáo nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt và công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2]. *Hành vi phạm tội của bị cáo:*

[2.1]. Bị cáo Wòng Hòa B có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là ông Phạm Minh T 01 xe mô tô, loại Wave S, màu xám, số máy: JC43E0545601, số khung: RLHJC43169Y028875, biển số: 55P3-8037 trị giá: 6.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu về thời gian, địa điểm, loại tài sản, giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, ý kiến của Kiểm sát viên. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Wòng Hòa B phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2]. Hành vi trái pháp luật của bị cáo Wòng Hòa B là nguy hiểm cho xã hội, với động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên bị cáo nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài nhằm phục vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

[2.3]. Hành vi của bị cáo Wòng Hòa B thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Bị cáo cũng thừa biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Bị cáo cũng nhận biết việc lén lút lấy trộm tài sản của ông Phạm Minh T là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến tài sản hợp pháp của bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho nhân dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38 của Bộ luật Hình sự để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo Wòng Hòa B gây ra. Đồng thời, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo và sửa chữa lỗi lầm của mình, trở thành người có ích cho xã hội.

[3]. *Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng:*

[3.1]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Wòng Hòa B thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo B có 01 tiền án về tội Cướp giật tài sản, chấp hành xong, chưa xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm.

[3.3]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại là ông Phạm Minh T có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.000.000 đồng nên buộc bị cáo B bồi thường cho bị hại là phù hợp.

[5]. *Về xử lý vật chứng:* Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không thu hồi được tài sản bị mất nên không đề cặp xem xét.

Đối với những người đàn ông, mua xe mô tô 55P3-8037 từ bị cáo B. Do chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo, không xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với Phạm Quốc H, Nguyễn Văn T1, Lê Phú Q1, về ý thức không biết về hành vi phạm tội của bị cáo B nên không cấu thành tội phạm liên quan.

[7]. *Về án phí:* Bị cáo Wòng Hòa B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Wòng Hòa B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Wòng Hòa B 02 (hai) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 02/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, buộc bị cáo Wòng Hòa B phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 586 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo B bồi thường cho bị hại Phạm Minh T số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo B nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vụ

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An;
- Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Long An;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.